

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 05 - 4 - 2019

V/v tranh chấp “Hôn nhân gia đình -
Ly hôn và nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH AN GIANG.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Dương Bích Tuyền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Duy Phương

2. Ông Huỳnh Văn Sức

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Tuyết - Thư ký Toà án nhân dân huyện Phú Tân.

Trong ngày 05 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 30/2019/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 01 năm 2019, về tranh chấp “*Hôn nhân gia đình - Ly hôn và nuôi con khi ly hôn*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2019/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2019 giữa:

1. *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn B, sinh năm 1993;

Cư trú: tổ 17, ấp Hưng T, xã Phú H, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

2. *Bị đơn:* Chị Lê Thị K, sinh năm 1991;

Cư trú: tổ 2, ấp Tân Th, xã Tân Trung, huyện Phú T, tỉnh An Giang.

(Anh B và chị K xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn đề ngày 07/01/2019 và bản tự khai, nguyên đơn anh Nguyễn Văn B trình bày: Anh và chị K sau khi tìm hiểu có tổ chức lễ cưới năm 2012, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Phú H, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 01/2013 ngày 03/01/2013; chung sống thời gian đầu hạnh phúc, đến khoảng năm 2014 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan

điểm, thường xuyên cự cãi nên chị K đã bỏ về nhà cha ruột sống và vợ chồng chính thức ly thân đến nay. Hiện tình cảm không còn, yêu cầu ly hôn với chị K.

Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Thảo L, sinh ngày 24/5/2012, do anh B đang chăm sóc nuôi dưỡng từ khi ly thân đến nay, yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung; nợ chung phải thu, phải trả: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, do đi làm ăn xa nên xin vắng mặt tại phiên tòa.

- Tại bản tự khai bị đơn chị Lê Thị K thống nhất lời trình bày của anh B về thời gian kết hôn, nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn. Hiện tình cảm không còn, đồng ý ly hôn.

Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Thảo L, sinh ngày 24/5/2012; đồng ý cho anh B được tiếp tục nuôi dưỡng, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung; nợ chung phải thu, phải trả: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, do đi làm ăn xa nên xin vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Anh Nguyễn Văn B khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với chị Lê Thị K và nuôi con chung, nên xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình – Ly hôn và nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết: Chị Lê Thị K là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại ấp Tân Th, xã Tân Tr, huyện Phú T, tỉnh An Giang, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Anh B và chị K có đơn xin xét xử vắng mặt. Xét thấy, quá trình tố tụng, anh chị đã cung cấp lời khai thể hiện ý chí của mình và việc vắng mặt không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh, chị theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: anh B yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị K. Hôn nhân của anh, chị được xác lập năm 2013 trên cơ sở tự tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới, có

đăng ký kết hôn được pháp luật thừa nhận. Tuy nhiên, cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và chính thức ly thân đến nay, cả hai không hàn gắn, từ đó tình cảm vợ chồng phai nhạt, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh B và chị K thống nhất ly hôn. Lẽ ra, khi Tòa án hòa giải hoặc tại phiên tòa nếu anh, chị có mặt thỏa thuận được với nhau về giải quyết toàn bộ vụ án thì Tòa án hoặc Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn, nhưng do anh chị vắng mặt nên Tòa án tiến hành đưa vụ án ra xét xử là phù hợp quy định pháp luật. Xét hôn nhân của anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, điều này phù hợp lời thừa nhận của các bên đương sự, do đó, anh B yêu cầu ly hôn là có căn cứ được chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Nguyễn Thảo L sinh ngày 24/5/2012, hiện anh B đang chăm sóc nuôi dưỡng. Anh B và chị K thống nhất, anh B được tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng. Xét, đương sự đã thật sự thỏa thuận về việc trông nom, chăm sóc giáo dục, nuôi dưỡng con sau khi ly hôn theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên giao cháu Thảo L cho anh B tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con đến thành niên hoặc tự lập được; chị K không phải cấp dưỡng nuôi con chung; anh B phải tạo mọi điều kiện thuận lợi để chị K đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở. Trường hợp, người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con; mặt khác, nếu có căn cứ cho rằng, anh B không còn đảm bảo các điều kiện nuôi dạy con hoặc có thỏa thuận về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con phù hợp với lợi ích của con thì có quyền làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về tài sản chung; nợ chung phải thu, phải trả: Các bên không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Ghi nhận lời trình bày đương sự không có nợ chung, nhưng sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật nếu có nguyên đơn xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì anh B và chị K phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

Ngoài ra, các bên không tranh chấp về vấn đề gì khác nên không đặt ra xem xét.

[3]Về án phí: Anh B phải chịu án phí hôn nhân gia đình là 300.000 đồng, được khấu trừ tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005429 ngày 18/01/2019 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh An Giang (đã nộp đủ). Chị K không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 26 và khoản 5, khoản 6 Điều 27 và khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Xử:

1. Về hôn nhân: Anh Nguyễn Văn B được ly hôn với chị Lê Thị K.

Giấy chứng nhận kết hôn số 01 ngày 03 tháng 01 năm 2013 của Ủy ban nhân xã Phú H, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang cấp cho anh Nguyễn Văn B và chị Lê Thị K không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Anh Nguyễn Văn B được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thảo L, sinh ngày 24/5/2012 đến thành niên hoặc tự lập được; chị K không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh B phải tạo mọi điều kiện thuận lợi để chị K đến thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung; nợ chung phải thu, phải trả: không có.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Nguyễn Văn B phải chịu án phí hôn nhân, gia đình là 300.000 đồng, được khấu trừ tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005429 ngày 18/01/2019 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh An Giang (đã nộp đủ). Chị K không phải chịu án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hoặc niêm yết bản sao bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa

thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THA.DS huyện Phú Tân;
- Các đương sự;
- UBND xã Phú H;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Dương Bích Tuyên